

Quận 6, ngày 26 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO - NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường Trung học cơ sở Lam Sơn

2. Địa chỉ: 805A Hậu Giang, Phường 11, Quận 6

Số điện thoại: 02838752018

Website: <https://thcslamsonq6.hcm.edu.vn/homegd1>

Email: thcslamson.q6@hcm.edu.vn

3. Loại hình, Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Quận 6

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị phường 11, Quận 6.

4. Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng và duy trì trường THCS Lam Sơn trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề.

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là “Nhân Ái - Trách Nhiệm - Hợp Tác - Sáng Tạo”

5. Quá trình thành lập và phát triển:

❖ **Quá trình thành lập:**

Trường trung học cơ sở Lam Sơn được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 1993 theo quyết định số 639/QĐ-UB ngày 26/6/1993 của Ủy ban nhân dân Quận 6. Từ năm học 2006 - 2007 chuyển đổi Trường THCS Lam Sơn thành Trường THCS Lam Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6 theo quyết định số 1642/QĐ-UB ngày 21/6/2006.

Trường Trung học cơ sở Lam Sơn được khởi công xây dựng tại số 805A Hậu

Giang, phường 11, Quận 6 trên diện tích đất 4809,3 m², trường có 46 phòng học và các phòng chức năng phục vụ giảng dạy học tập cho các em trên địa bàn quận 6.

Tuy là địa bàn trung tâm nhưng vẫn còn nhiều hộ nghèo, khó khăn, làm thuê không ổn định, do vậy nhiều phụ huynh chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con em, bên cạnh đó nhiều hộ có kinh tế khá giả, song lại tập trung vào làm ăn nên chưa quan tâm đúng mức, đúng cách. Điều đáng lo ngại là tỷ lệ học sinh có cha mẹ không hòa thuận khá cao nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng học tập và đời sống tâm lý của các em.

Thiếu nhà thi đấu đa năng nên cũng ảnh hưởng một phần nào đến chất lượng giáo dục thể chất của nhà trường.

❖ **Quá trình phát triển:**

Đề nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng, trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp Quận, các phong trào thi đua cũng đạt được những thứ hạng cao trong thành phố.

Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*". Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ Quản sinh vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nề nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu "**Đổi mới sáng tạo trong dạy học**". Cùng với việc thực hiện "*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*" và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...* Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được quy chế hóa bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Lưu Hồng Phong - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 805A Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TPHCM.

Số điện thoại: 0906242362

Email: luuhongphong2812@gmail.com

Tổ chức bộ máy

6.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 21/6/2006 của ủy ban nhân dân Quận 6.

6.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường.

Quyết định số 5824/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND Quận 6 về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng trường Trường THCS Lam Sơn nhiệm kỳ 2020-2025.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi Chú
1	Lưu Hồng Phong	Bí thư Chi bộ – Hiệu trưởng	
2	Ngô Thị Thanh Tuyền	Phó Hiệu trưởng	
3	Nguyễn Trần Bích Loan	Chủ tịch Công đoàn	
4	Phạm Hoàng Lâm	Bí thư Chi đoàn	
5	Nguyễn Đình Khánh	Tổ trưởng chuyên môn Tổ Lịch sử - Địa lý	
6	Kha Văn Đức	Tổ trưởng chuyên môn GDTC	
7	Nguyễn Quang Anh	Tổ phó chuyên môn tổ Lịch sử - Địa lý	
8	Nguyễn Công Mãi	Giáo viên tổ Lịch sử - Địa lý	
9	Nguyễn Tuấn Thanh	Giáo viên tổ Lịch sử - Địa lý	
10	Bùi Nguyễn Bảo Tuyên	Giáo viên tổ GDTC	
11	Phan Thị Xuân Phương	Phó Chủ tịch UBND Phường 11	
12	Đỗ Minh Thiên	Trưởng Ban Đại diện Cha mẹ học sinh	
13	Dương Chí Lâm	Học sinh lớp 7A1	

6.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1845/QĐ-UBND, ngày 26/4/2024 về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Lam Sơn.

6.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

Cơ chế hoạt động của trường THCS Lam Sơn.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm.

Trường THCS Lam Sơn là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Quận 6.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động XH.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy giáo dục

- 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn có 116 công đoàn viên.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Luu Hồng Phong	Hiệu trưởng	0906242362	luuhongphong2812@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: 805A Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TPHCM

Số điện thoại: 02838752018

Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch 56a/KH-THCS.LS, ngày 03/03/2021 của Trường THCS Lam Sơn về việc chiến lược phát triển Trường THCS Lam Sơn giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030.

- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 474/QĐ-THCS.LS, ngày 24/10/2024 về việc ban hành quy chế dân chủ cơ sở và Quyết định số 475/QĐ-THCS.LS ngày 24/10/2025 về Quy chế đối thoại.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo: Kế hoạch 68/KH-THCS.LS, ngày 24/02/2024 của Trường THCS Lam Sơn về việc đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2024 của trường THCS Lam Sơn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hoá, đảm bảo về trình độ chuyên môn đề cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên THCS Lam Sơn năm học 2024- 2025 cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên CNTT	1					1								
7	Nhân viên thiết bị	1			1										

III. Cơ sở vật chất

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường (cổng 1, cổng 2). Khuôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin cơ sở vật chất của THCS Lam Sơn - Năm học 2024-2025 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	48	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	46	
2	Phòng học bán kiên cố	02	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	05	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/1 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4.890	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.272	
VI	Tổng diện tích các phòng	3.618	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích phòng học (m ²)	36	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	390	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	404	
1.2	Khối lớp 7	380	
1.3	Khối lớp 8	360	
1.4	Khối lớp 9	395	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	99	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	48	
2	Cát xét	08	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6/0/2	
5	Nhạc cụ	68	
6	Ti vi tương tác	48	

	Nội dung	Số lượng (m ²)		
X	Nhà bếp	68		
XI	Nhà ăn	180		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	37 Phòng, tổng diện tích 1,382	1,518	1,1/chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Lớp 6

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 6 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu cảm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ văn 6 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thụy	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 6	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà,	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga		
5	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 6	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chi Trung	Đại học Sư phạm	Cánh diều
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 6	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai	Giáo dục Việt	Chân trời sáng

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		(Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân	Nam	tạo
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 6	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hùng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn		

2. Lớp 7

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 7 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Thanh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ văn 7 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Minh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 7	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
5	Khoa học tự nhiên 7	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	Lịch sử và Địa lí 7	Nguyễn Kim Hồng, (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 7	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc,	Đại học Sư phạm	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ 7	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy giới (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 7	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu,	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My.		
10	Mĩ thuật 7	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 7	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hùng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

3. Lớp 8

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 8 (Tập 1; 2)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Thanh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
2	Ngữ văn 8 (Tập 1; 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Minh Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần GD. Đại Trường Phát
4	Giáo dục công dân 8	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Khoa học tự nhiên 8	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Mai Văn Hưng, Mai Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức
6	Lịch sử và Địa lí 8	Nguyễn Kim Hồng, (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc,	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Phạm Đỗ Văn Trung		
7	Tin học 8	Quách Tất Kiên (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Hồ Thị Hồng, Quách Tất Hoàn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ 8	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 8	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 8	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 2
11	Giáo dục thể chất 8	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Hoài An	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8	Đình Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn		

4. Lớp 9

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1.	Ngữ văn 9, tập 1 và tập 2 Chân trời sáng tạo	<p>Tập 1: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.</p> <p>Tập 2: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.</p>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 9, Tập 1 và Tập 2 Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 9 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
4.	Lịch sử và Địa lí 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Việt Ngọc, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục Công dân 9 Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên) Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6.	Tin học 9 Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Võ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thoả, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7.	Âm nhạc 9 Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8.	Mỹ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 2	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9.	GDTC 9 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu..	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
10.	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11.	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12.	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13.	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt KĐCLGD cấp độ 1 theo Quyết định số 1494-94/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS Lam Sơn đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	467	11	227	50	7
7	687	15	326	61	7
8	514	12	248	46	4
9	420	10	195	44	4
Toàn trường	2088	996	201	93	22

kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD-ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025: 480 học sinh.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm, KQRL	2088	467	687	514	420
1	Tốt (TỐT) (tỷ lệ so với tổng số)	1969	456	653	479	381
2	Khá (KHÁ) (tỷ lệ so với tổng số)	102	11	34	31	26
3	Trung bình (ĐẠT) (tỷ lệ so với tổng số)	17	0	0	4	13
4	Yếu (CHƯA ĐẠT) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

II	Số học sinh chia theo học lực, KQHT	2088	467	687	514	420
1	TỐT (tỷ lệ so với tổng số)	1036	254	378	237	167
2	KHÁ (tỷ lệ so với tổng số)	687	144	218	161	164
3	ĐẠT (tỷ lệ so với tổng số)	315	60	80	89	86
4	CHƯA ĐẠT (tỷ lệ so với tổng số)	50	9	11	27	3
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99/2068	98.9/462	99.4/683	97.9/503	100/420
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	19.2/400	18%/84	22.7/156	20.8/107	12.6/53
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.8/644	35%/163	33%/227	24%/123	32%/131
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.68/35	1.5/7	1.3/9	3.7/19	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1%/20	1.1/5	0.6/4	2.1/11	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/8	1/1	1 / 4	0/1	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5	2	1	2	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận					33
2	Cấp tỉnh/thành phố					28
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	00	420

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	00	420
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1092/996	240/227	361/326	266/248	225/195
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	201	50	61	46	44

- Năm học 2023- 2024 nhà trường có 07 học sinh ở lại lớp.
- Số học sinh được công nhận xét và công nhận tốt nghiệp: 517 đạt 100%
- Số học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập: 495 HS (96%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		1.193.274.037
DỰ TOÁN GIAO (2)	15.346.511.000	13.561.908.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	2.194.000.000	3.228.253.287
DỰ TOÁN THU (1+2+3)	17.540.511.000	16.790.161.287
DỰ TOÁN CHI	17.065.071.679	17.377.975.330
Lương theo ngạch, bậc	8.429.334.350	
Phụ cấp chức vụ	104.562.000	
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		687.912.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.528.000	
Phụ cấp ưu đãi nghề	2.499.512.019	364.370.826
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	12.420.000	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	1.449.080.478	
Bảo hiểm xã hội	1.698.082.423	
Bảo hiểm y tế	299.661.620	

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Kinh phí công đoàn	199.774.401	
Bảo hiểm thất nghiệp	99.396.957	
Các khoản đóng góp khác	49.943.600	
Chi khác	245.952.000	
Tiền điện	40.358.740	
Tiền nước	41.115.360	
Cước phí điện thoại	1.069.130	
Khoản công tác phí	7.700.000	
Chi các khoản khác	2.700.000	
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	1.222.572.391	
Chi lập Quỹ phúc lợi	282.132.090	
Chi lập Quỹ khen thưởng	94.044.030	
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	282.132.090	
Chi hỗ trợ khác		9.853.154.904
Thưởng khác		550.836.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		5.716.980.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí		14.960.000
Chi mua hàng hóa, vật tư		189.761.600
DỰ TOÁN CÒN LẠI	475.439.321	427.885.133
CHUYỂN SANG NĂM 2025	475.439.321	427.885.133
KINH PHÍ HỦY		177.574.861

b. Nguồn dịch vụ

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
I	NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0
II	THU TRONG NĂM (2)	20.2602.14.617
III	CHI TRONG NĂM (3)	20.236.726.908
1	Lương theo ngạch, bậc	23.030.820
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	888.952.100
3	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	663.532.440
4	Phụ cấp ưu đãi nghề	6.945.048
5	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	3.726.000
6	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	2.601.270

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
7	Thưởng khác	55.620.000
8	Bảo hiểm xã hội	305.251.427
9	Bảo hiểm y tế	49.555.684
10	Kinh phí công đoàn	33.037.121
11	Bảo hiểm thất nghiệp	56.815.461
12	Các khoản đóng góp khác	128.160
13	Thanh toán tiền ăn	316.200.813
14	Chi khác	6.628.914.876
15	Tiền điện	573.723.504
16	Tiền nước	95.844.840
17	Tiền vệ sinh, môi trường	39.618.418
18	Văn phòng phẩm	31.910.000
19	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	33.685.400
20	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	14.180.000
21	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	25.306.000
22	Thuê phương tiện vận chuyển	4.600.800
23	Thuê thiết bị các loại	17.526.348
24	Thuê lao động trong nước	546.967.600
25	Chi phí thuê mướn khác	19.200.000
26	Các thiết bị công nghệ thông tin	48.909.000
27	Tài sản và thiết bị văn phòng	750.000
28	Đường điện, cấp thoát nước	52.681.100
29	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	155.422.300
30	Chi mua hàng hóa, vật tư	740.250.372
31	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	28.204.000
32	Chi khác	67.415.228
33	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	11.910.000
34	Chi các khoản phí và lệ phí	1.296.000
35	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	5.500.000
36	Chi tiếp khách	1.983.664
37	Chi các khoản khác	4.235.394.889
38	Chi hỗ trợ khác	6.102.000

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
28	Nộp thuế	490.353.937
29	Trích CCTL	1.581.472.115
30	Trích quỹ PTSN	355.831.226
31	Trích quỹ phúc lợi	355.831.226
32	Trích quỹ khen thưởng	118.610.408
33	Trích quỹ bổ sung thu nhập	1.541.935.312
IV	CHUYỂN SANG NĂM 2024 (1+2-3)	23.487.709

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	67	14.960.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021	47	50.700.000	

3. Công khai các khoản thu năm 2024-2025 và dự kiến năm học 2025 - 2026

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng	60.000	
2	Tiền tổ chức học 2 buổi/ngày	đồng	200.000	
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường tiếng anh	đồng	100.000	
4	Tiền tổ chức dạy tin học Quốc tế IC3	đồng	160.000	
5	Tiền tổ chức học tiếng anh với người nước ngoài	đồng	200.000	
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng	80.000	
7	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	300.000	
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	160.000	
9	Học phẩm	đồng	45.000	
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng	38.000	
11	Tiền nước uống	đồng	20.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng	23.000	
13	Sổ liên lạc điện tử /năm học	đồng	135.000	
14	Tiền điện sử dụng máy điều hoà nhiệt độ	đồng	20.000	
15	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	đồng	30.000	
16	Bảo hiểm y tế	đồng	884.520	
II	Dự kiến năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng	60.000	
2	Tiền tổ chức học 2 buổi/ngày	đồng	200.000	
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường tiếng anh	đồng	100.000	
4	Tiền tổ chức dạy tin học Quốc tế IC3	đồng	160.000	
5	Tiền tổ chức học tiếng anh với người nước ngoài	đồng	200.000	
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng	80.000	
7	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	300.000	
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	160.000	
9	Học phẩm	đồng	45.000	
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng	38.000	
11	Tiền nước uống	đồng	20.000	
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng	23.000	
13	Sổ liên lạc điện tử /năm học	đồng	135.000	
14	Tiền điện sử dụng máy điều hoà nhiệt độ	đồng	20.000	
15	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	đồng	30.000	
16	Bảo hiểm y tế	đồng	884.520	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	đồng	2.017.746.134	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	đồng	918.829.699	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	116	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	đồng	28.535.581.452	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng người phụ thuộc tính giảm trừ	Người	125	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	đồng	21.912.000000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	đồng	0	
4	Bảo hiểm được trừ	đồng	991.926.620	
IV	Thu nhập tính thuế	đồng	7.947.254.316	

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		5
	Dự toán ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.732.398.000	8.498.696.405	41,00%	120,59%
	Lương theo ngạch, bậc	11.680.000.000	4.616.914.414	39,53%	121,14%
	Phụ cấp chức vụ	146.000.000	60.372.000	41,35%	133,09%
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	8.200.000	2.808.000	34,24%	390%
	Phụ cấp ưu đãi nghề	3.212.000.000	1.334.622.052	41,55%	119,12%
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	20.490.000	7.020.000	34,26%	130%
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	1.750.000.000	772.434.826	44,14%	115,86%
	Thưởng khác	68.300.000	0	0%	0%
	Bảo hiểm xã hội	2.365.000.000	926.937.926	3,92%	117,10%
	Bảo hiểm y tế	445.300.000	163.491.658	36,71%	120,48%
	Kinh phí công đoàn	299.300.000	88.506.766	29,57%	97,84%
	Bảo hiểm thất nghiệp	148.920.000	54.497.217	36,59%	121,8%
	Các khoản đóng góp khác	69.760.000	27.248.613	39,06%	0%
	Trợ cấp, phụ cấp khác	174.600.000	174.600.000	100%	70,99%
	Tiền điện	200.000.000	193.596.701	96,80%	479,68%
	Tiền nước	100.000.000	72.091.032	72,09%	175,34%
	Văn phòng phẩm	10.000.000	0	0%	0%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước phí điện thoại	2.346.000	555.200	23,67%	102,81%
	Khoản công tác phí	6.000.000	3.000.000	50,00%	63,83%
	SC tài sản và thiết bị văn phòng	10.000.000	0	0%	0%
	SC đường điện, cấp thoát nước	14.000.000	0	0%	0%
2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	19.433.878.825	9.573.189.433	49,26%	198,38%
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	1.505.569.132	1.505.569.132	100%	0%
	Phụ cấp ưu đãi nghề	485.554.159	219.014.043	45,11%	0%
	Mua sắm bàn ghế HS, tủ kệ	129.440.000	129.060.000	99,71%	129,27%
	SC nhà cửa	298.420.534	298.278.776	99,95%	0%
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	1.374.275.000	1.315.200.000	95,70%	27,83%
	Kinh phí miễn giảm	27.000.000	0	0%	0%
	Kinh phí hỗ trợ học phí dân tộc	5.400.000	0	0%	0%
	Quỹ tiền thưởng	1.230.917.000	0	0%	0%
	KP thực hiện thu nhập tăng thêm theo NQ 08/2023/NQ-HĐND	14.377.303.000	6.106.067.482	42,47%	216,32%

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Hồng Phong

